

Y, quận Y1, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Phùng Văn Q, sinh năm 1968; địa chỉ: 267 đường Q, phường T7, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

4. Ông Lê Ngọc K, địa chỉ: 90 đường P2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980; địa chỉ: 100B đường Đ2, phường T7, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Lê Quang D, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P3, huyện P4, tỉnh Gia Lai.

3. Bà Phạm Thị Phương L, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai.

4. Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 4, xã Ea Ktur, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai.

6. Ông Nguyễn Như H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn I, xã I1, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai.

7. Ông Lê Quang T3, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai.

8. Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 08 đường T8, phường Y2, quận T9, thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Nguyễn Hải H2, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn K1, xã Đ2, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk;

10. Bà Lê Thị Minh Tr và ông Giang Quốc Th; địa chỉ: 120/39 đường N1, phường T9, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa.

11. Bà Nguyễn Thị Kim T4, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 169 đường Y3, phường T10, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (đã ủy quyền cho ông Lê Ngọc K giải quyết vụ án).

12. Ông Vũ Văn H3, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố T11, phường T12, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, trong vụ án còn 02 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ cuối năm 2016 đến tháng 5/2017, do không có tiền tiêu xài và đánh bạc, Vũ Ngọc P đã nhờ người khác thuê xe ô tô tự lái và mua xe không có nguồn gốc hợp pháp, sau đó nhờ đối tượng tên Đức và Tú ở thành phố Hồ Chí Minh (không rõ nhân thân lai lịch) làm giả các giấy tờ như chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để đưa đi cầm nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Với thủ đoạn như trên, Vũ Ngọc P cùng với Nguyễn Trung T5, Lê Xuân T và Lê Thị Thanh T6 đã thực hiện các hành vi phạm tội 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản; làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Cụ thể, riêng trường hợp phạm tội của Lê Xuân T:

Ngày 13/4/2017, Vũ Ngọc P nhờ Lê Xuân T, thuê giúp một xe ô tô đem qua Gia Lai để P làm phương tiện đi lại. Tin lời P nên T đã thuê xe ô tô Innova, biển kiểm soát 47A-186.38 của anh Lê Ngọc K, sinh năm 1978, trú tại 90 Phạm Hồng Thái, thành phố B. Thời hạn thuê xe từ ngày 13/4/2017 đến 27/4/2017 sau đó T điều khiển xe đến tỉnh Gia Lai giao lại cho P. Khi T giao xe cho P thì P nói với T để P mang xe đi cầm cố lấy tiền trả lại cho anh Lê Duy Hưng, trú tại xã E, thành phố B mà trước đó T đứng ra bảo lãnh cho P vay (vay hai lần tổng cộng 250.000.000 đồng). Nghe vậy T đồng ý; sau đó P thuê Đức và Tú làm giả giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng minh nhân dân. Khi có được các giấy tờ giả, P nói bạn gái là Lê Thị Thanh T6 đưa ảnh của Tâm dán vào giấy chứng minh nhân dân, lúc này T cũng chứng kiến và biết việc P làm giả các giấy tờ trên, rồi P nhờ Tâm và một người nữa (do đã lâu P không nhớ là ai) mang xe đến thị trấn C, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai nhờ các anh Nguyễn Đức T2, Nguyễn Như H1 và Lê Quang T3 giới thiệu gặp chị Phạm Thị Phương L, trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai rồi cầm xe cho chị L được 200.000.000 đồng. Có được tiền cầm xe, P không đưa cho T đem về trả nợ cho anh Hưng mà tiêu xài cá nhân hết. Khi hết thời hạn thuê xe, không thấy T trả lại xe, anh K đã tìm T để đòi lại xe nhưng T cứ hẹn lần này qua lần khác, vì vậy anh K đã làm đơn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để tố cáo T có hành vi chiếm đoạt tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 238/KLGD ngày 08/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 47A-186.38 có giá trị 305.000.000 đồng.

Như vậy Vũ Ngọc P, Lê Xuân T và Lê Thị Thanh T6 đã chiếm đoạt chiếc xe ô tô Innova, biển kiểm soát 47A-186.38 của anh Lê Ngọc K trị giá 305.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Lê Xuân T** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/207/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt Lê Xuân T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt của các bị cáo khác, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08-01-2020 bị cáo Lê Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Lê Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, trình bày: Hoàn cảnh gia đình bị cáo cha, mẹ già yếu, vợ đang chuẩn bị sinh con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ. Bị cáo Lê Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt của bị cáo là phù hợp, không nặng nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Xuân T, vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài và trả nợ, sau

khi giúp Vũ Ngọc P thuê xe, được Vũ Ngọc P rủ rê mang xe đi cầm cố lấy tiền trả nợ, bị cáo đã đồng ý. Tài sản mà bị cáo cùng Vũ Ngọc P chiếm đoạt của anh Lê Ngọc K trị giá 305.000.000đ, và mang đi cầm cố được số tiền 200.000.000đ. Số tiền 200.000.000đ này các bị cáo không có khả năng khắc phục hậu quả.

[2]. Xét thấy, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã giúp sức bị cáo Vũ Ngọc P chiếm đoạt tài sản của anh Lê Ngọc K trị giá 305.000.000đ. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như: Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đã xử phạt bị cáo 06 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, vai trò và hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới phát sinh ở cấp phúc thẩm nên không có căn cứ để xem xét; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Xuân T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/207/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt Lê Xuân T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Xuân T phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; việc thi hành án được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra I, TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (qua trại);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Thông